

Số: 03/KL-TTrS

Kon Tum, ngày 17 tháng 01 năm 2025

KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc thực hiện chính sách, pháp luật và nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị, cá nhân về quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí, việc mua sắm, quản lý sử dụng tài sản công; việc thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Kon Tum

Thực hiện Quyết định số 40/QĐ-TTrS ngày 31/10/2024 của Chánh Thanh tra Sở Y tế tỉnh Kon Tum thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật và nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị, cá nhân về quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí, việc mua sắm, quản lý sử dụng tài sản công; việc thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Kon Tum;

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 09/BC-ĐTT ngày 07/01/2025 của Đoàn thanh tra theo Quyết định số 40/QĐ-TTrS ngày 31/10/2024 của Chánh Thanh tra Sở Y tế tỉnh Kon Tum. Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra trực tiếp tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Kon Tum, quá trình thanh tra, Đoàn thanh tra đã làm việc với các khoa, phòng thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Kon Tum và các cá nhân có liên quan. Đoàn thanh tra tiến hành kiểm tra, xác minh trực tiếp các nội dung thanh tra;

Chánh Thanh tra Sở Y tế tỉnh Kon Tum kết luận như sau:

A. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH KON TUM.

I. Đặc điểm tình hình, vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Kon Tum.

1. Đặc điểm tình hình: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Kon Tum được thành lập theo Quyết định số 652/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum và Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc sửa đổi Quyết định số 652/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc thành lập Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Kon Tum; là đơn vị hạng II hệ dự phòng theo Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 17/6/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum về việc xếp lại hạng các đơn vị sự nghiệp y tế tỉnh Kon Tum.

2. Vị trí pháp lý:

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Kon Tum là đơn vị sự nghiệp y tế công lập trực thuộc Sở Y tế tỉnh Kon Tum, có tư cách pháp nhân, trụ sở, con dấu (*được sử dụng thêm con dấu tiếng Anh trong hoạt động kiểm dịch y tế theo quy định của pháp luật*); chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện về chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ, tổ chức, nhân lực, hoạt động, tài chính và cơ sở vật chất của Sở Y tế; chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra, hướng dẫn về chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ của Bộ Y tế (*Cục Y tế dự phòng, Cục Quản lý môi trường Y tế, các Viện, Bệnh viện đầu ngành trực thuộc Bộ Y tế, Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Quy Nhơn, Viện Vệ sinh Dịch tễ Tây Nguyên*).

3. Chức năng, nhiệm vụ:

3.1. Chức năng: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Kon Tum có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện các hoạt động chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ (*gọi tắt là các hoạt động chuyên môn*) về phòng, chống dịch, bệnh truyền nhiễm; bệnh không lây nhiễm; phòng, chống tác động của các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng tới sức khỏe; quản lý sức khỏe cộng đồng; khám phát hiện, điều trị dự phòng và các dịch vụ y tế khác phù hợp với lĩnh vực chuyên môn trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

3.2. Nhiệm vụ, quyền hạn: Thực hiện các hoạt động chuyên môn, chỉ đạo, hướng dẫn, quản lý, kiểm tra, giám sát phòng, chống dịch, bệnh truyền nhiễm, HIV/AIDS, bệnh do ký sinh trùng, bệnh truyền qua côn trùng, bệnh truyền qua thực phẩm, bệnh lây truyền từ động vật sang người, bệnh mới nổi; bệnh không lây nhiễm, bệnh do rối loạn chuyển hóa, bệnh nghề nghiệp; sức khỏe trường học, bệnh, tật học đường; quản lý, chăm sóc mắt cộng đồng; tác động của các yếu tố nguy cơ và tình trạng tiền bệnh; tầm soát, sàng lọc, quản lý các bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng; phòng, chống rối loạn dinh dưỡng, vi chất dinh dưỡng; dinh dưỡng tiết chế, dinh dưỡng trong phòng, chống các bệnh không lây nhiễm; cải thiện tình trạng dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, dinh dưỡng cộng đồng; phối hợp thực hiện các hoạt động nâng cao tầm vóc và thể trạng con người Việt Nam và những nhiệm vụ, quyền hạn khác được quy định tại Quyết định số 357/QĐ-SYT ngày 20/7/2023 của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Kon Tum về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Kon Tum.

II. Cơ cấu tổ chức và nhân lực của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật.

1. Cơ cấu tổ chức:

- Ban Lãnh đạo: Giám đốc và 03 Phó Giám đốc.
- Các phòng chức năng và nghiệp vụ chuyên môn: 03 phòng chức năng, 11 khoa chuyên môn và 01 phòng khám đa khoa.

2. Nhân lực: (số liệu cụ thể đến 31/12/2023).

- Tổng số biên chế được giao: 153 chỉ tiêu.

- Tổng số viên chức và người lao động làm việc có mặt tính đến ngày 31/12/2023 là 166 người. Trong đó, biên chế 149 người; hợp đồng lao động 17 người (5 hợp đồng lao động chuyên môn nghiệp vụ, 5 hợp đồng lao động (lái xe) theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP, 7 hợp đồng lao động phổ thông: 3 tạp vụ và 4 bảo vệ).

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

Quá trình thanh tra, Đoàn thanh tra chỉ tiến hành kiểm tra tính rõ ràng, đầy đủ, kịp thời, chính xác đối với một số chứng từ thu, chi do đơn vị cung cấp theo phương pháp chọn mẫu; đối chiếu số liệu trên sổ kế toán và báo cáo tài chính. Đoàn thanh tra không xác minh, đối chiếu số liệu với các đơn vị có liên quan; không tiến hành kiểm kê, đối chiếu tài sản, công nợ, vật tư, hóa chất, hàng hóa tồn kho, tiền mặt tồn quỹ; không xác minh chứng từ bên ngoài cung cấp. Đối với hồ sơ mua sắm, sửa chữa tài sản công, chỉ kiểm tra quy trình tổ chức mua sắm theo quy định hiện hành của Nhà nước; không kiểm tra khối lượng thực tế, mua sắm, sửa chữa và nghiệm thu thanh toán theo tiêu chuẩn định mức kỹ thuật; không kiểm tra nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Kon Tum chịu trách nhiệm về tính trung thực, hợp pháp trong quá trình mua sắm, sửa chữa, quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí tại đơn vị.

Kết quả kiểm tra, xác minh như sau:

I. Tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về tiếp công dân; khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh:

1. Công tác tiếp công dân tại đơn vị được triển khai theo quy định của Luật Tiếp công dân năm 2013 và Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân; Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại; Thông tư số 04/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Tổng Thanh tra Chính phủ quy định quy trình tiếp công dân; Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Tổng Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh, cụ thể: Quyết định số 60/QĐ-KSBT ngày 02/3/2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh về việc ban hành Quy chế tiếp công dân tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Kon Tum; Quyết định số 59/QĐ-KSBT ngày 07/02/2018 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh về việc ban hành Quy định về quy trình tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh.

Tại Quyết định số 59/QĐ-KSBT ngày 07/02/2018, việc đơn vị căn cứ Thông tư số 06/2014/TT-TTCP ngày 31/10/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình tiếp công dân, đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bởi Thông tư số

04/2021/TT-TTCTP ngày 01/10/2021 của Tổng Thanh tra Chính phủ quy định quy trình tiếp công dân. Tuy nhiên, năm 2024 đơn vị đã ban hành Quyết định số 35/QĐ-KSBT ngày 13/3/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật về việc ban hành quy trình tiếp công dân và xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thay thế Quyết định số 59/QĐ-KSBT ngày 07/02/2018 nêu trên.

2. Thực hiện báo cáo kết quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo hằng tháng, quý, năm theo quy định; Báo cáo số 2431/BC-KSBT ngày 15/12/2023 về kết quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo năm 2023.

3. Lịch tiếp công dân được niêm yết công khai tại trụ sở của đơn vị.

II. Công tác phòng, chống tham nhũng.

1. Việc xây dựng chương trình, kế hoạch công tác phòng, chống tham nhũng theo quy định:

- Đơn vị đã xây dựng Kế hoạch số 316/KH-KSBT ngày 14/3/2023 về việc triển khai công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh; Kế hoạch số 244/KH-KSBT ngày 23/2/2023 về việc triển khai công tác phòng, chống tham nhũng và thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng định kỳ: Báo cáo số 2418/BC-KSBT ngày 14/12/2023 về việc báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2023.

2. Việc tuyên truyền, phổ biến về phòng, chống tham nhũng:

- Đơn vị ban hành Kế hoạch số 75/KH-KSBT ngày 13/01/2023 về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2023; trong đó có tuyên truyền, phổ biến về phòng, chống tham nhũng bằng hình thức lồng ghép trong một số buổi giao ban, các buổi sinh hoạt chi bộ và chuyên tải thông tin trên ứng dụng zalo... Có Báo cáo số 1791/BC-KSBT ngày 23/10/2023 về kết quả phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2023, trong đó có nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

- Hình thức tổ chức: Phổ biến trực tiếp 04 buổi, gồm 156 viên chức, người lao động tham dự và thông qua các buổi giao ban tại khoa, phòng, đơn vị; đồng thời đăng tải lên nhóm Zalo của các khoa, phòng.

3. Việc thực hiện các biện pháp công khai minh bạch về tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị:

- Triển khai thực hiện Công văn số 4124/SYT-TTrS ngày 20/11/2023 của Sở Y tế về việc công khai minh bạch và báo cáo thực hiện công khai minh bạch, đơn vị có Báo cáo số 2076/BC-KSBT ngày 23/11/2023 các nội dung công khai, minh bạch theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng 2018.

+ Việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động: 41 nội dung.

+ Lĩnh vực tài chính: 5 nội dung.

+ Lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính: 02 nội dung.

+ Lĩnh vực phòng, chống tham nhũng: 03 Nội dung.

+ Các lĩnh vực tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo: 01 nội dung.

- Các nội dung chưa công khai minh bạch và nguyên nhân chưa công khai minh bạch: Không.

4. Thực hiện quy tắc ứng xử và kiểm soát xung đột lợi ích: Đơn vị ban hành Kế hoạch số 477/KH-KSBT ngày 13/4/2023 về việc triển khai thực hiện công tác kiểm soát xung đột lợi ích năm 2023. Trong năm 2023, đơn vị thực hiện quy tắc ứng xử và kiểm soát xung đột lợi ích theo quy định tại Điều 24, 25, 26, 27 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/07/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng.

5. Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn:

- Trong năm đã thực hiện chuyển đổi 01 viên chức từ vị trí hành chính sang vị trí tổ chức cán bộ và chuyển đổi 05 vị trí kế toán viên trong nội bộ đơn vị.

- Đơn vị xây dựng Kế hoạch số 305/KH-KSBT ngày 13/3/2023 về thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với viên chức năm 2023, tuy nhiên trong kế hoạch chưa nêu được cụ thể vị trí công tác cần chuyển đổi, luân chuyển.

6. Công tác cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt: Đơn vị đã triển khai phối hợp với Ngân hàng Vietinbank chi nhánh Kon Tum để lắp đặt mã QR sử dụng trong thanh toán không dùng tiền mặt (*chuyển khoản/thanh toán*) thu phí đối với khách hàng; thanh toán qua ngân hàng đối với các khoản chi lương, phụ cấp, chế độ chính sách cho viên chức và người lao động. Sử dụng hóa đơn điện tử khi cung cấp dịch vụ của đơn vị.

7. Việc thực hiện kê khai, công khai tài sản, thu nhập:

Căn cứ Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về việc kiểm soát tài sản thu nhập của người có chức vụ quyền hạn trong cơ quan tổ chức, đơn vị; Kế hoạch số 441/KH-SYT ngày 17/02/2023 của Sở Y tế về việc thực hiện kê khai, công khai tài sản, thu nhập năm 2023, đơn vị xây dựng Kế hoạch số 197/KH-KSBT ngày 17/02/2023 về thực hiện kê khai, công khai tài sản, thu nhập năm 2023; Báo cáo số 2099/BC-KSBT ngày 27/11/2023 về thực hiện, công khai tài sản, thu nhập năm 2023.

- Việc tổ chức kê khai tài sản, thu nhập trong năm 2023, đơn vị có 36 viên chức có nghĩa vụ kê khai thu nhập, trong đó:

+ Kê khai lần đầu: Không.

- + Kê khai hằng năm: 29 người.
- + Kê khai phục vụ công tác cán bộ: 07 người.
- + Kê khai bổ sung: Không.
- + Hình thức công khai: Niêm yết tại Bảng niêm yết thông tin của đơn vị (*có Biên bản công khai bản kê khai tài sản, thu nhập ngày 01/01/2024*).
- + Số người chưa thực hiện công khai bản kê khai tài sản, thu nhập: Không.
- Bàn giao 01 Bản kê khai tài sản, thu nhập về Sở Y tế, lưu 01 bản vào hồ sơ viên chức tại đơn vị.
- Công tác theo dõi, báo cáo: Mở sổ theo dõi giao, nhận bản kê khai tài sản, thu nhập theo Báo cáo số 2099/BC-KSBT ngày 27/11/2023 về kết quả thực hiện kê khai, công khai tài sản, thu nhập năm 2023.

8. Công tác tự kiểm tra nội bộ:

- Thực hiện Quyết định số 67/2004/QĐ-BTC ngày 13/8/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế về tự kiểm tra tài chính, kế toán tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, đơn vị ban hành Quyết định số 12/QĐ-KSBT ngày 02/02/2024 về việc thành lập Tổ tự kiểm tra tài chính, kế toán Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh năm 2023; Kế hoạch số 26/KH-KSBT ngày 02/02/2024 về tự kiểm tra công tác tài chính, kế toán năm 2023. Nội dung kiểm tra gồm các khoản thu, chi ngân sách; quản lý và sử dụng tài sản; kiểm tra việc sử dụng quỹ lương, các khoản trích nộp theo lương; kiểm tra việc quan hệ thanh toán; kiểm tra việc chuẩn mực kế toán từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 31/12/2023.

- Tiến hành tự kiểm tra trong 01 ngày (*ngày 05/02/2024*) có Báo cáo tự kiểm tra số 01/BC-TKTTC ngày 06/02/2024.

9. Việc thực hiện quy chế dân chủ, tổ chức hội nghị viên chức, người lao động:

- Đơn vị ban hành Quyết định số 338/QĐ-KSBT ngày 18/12/2023 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của đơn vị; Kết quả thực hiện quy chế dân chủ năm 2023 theo Báo cáo số 1985/BC- KSBT ngày 14/11/2023.

- Hội nghị viên chức và người lao động được tổ chức ngày 28/12/2022 theo Kế hoạch số 1916/KH-KSBT ngày 16/12/2022 về tổ chức hội nghị viên chức, người lao động năm 2023.

10. Công tác đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật ban hành Kế hoạch số 450/KH-KSBT ngày 10/4/2023 về việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023; Báo cáo số 151/BC-KSBT ngày 30/01/2024 về việc đánh giá bổ sung kết quả thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, tuy nhiên trong báo cáo chưa thể hiện được số tiền tiết kiệm.

III. Tình hình quản lý, sử dụng và sửa chữa tài sản công.

1. Xây dựng Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công: Đơn vị ban hành Quyết định số 58/QĐ-KSBT ngày 02/3/2022 về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công; Quyết định số 07/QĐ-KSBT ngày 18/01/2024 về việc công khai tài sản công năm 2023 và Báo cáo 91/KSBT-TCHCTCKT ngày 19/01/2024 về kết quả cập nhật dữ liệu tại phần mềm tài sản công và kết quả thực hiện công khai tài sản công năm 2023.

2. Quản lý tài sản:

T T	Tài sản	ĐVT	Số lượng	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)
1	Tài sản cố định	T/sản	480	110.417.635.491	91.507.800.692
	Hữu hình	T/sản	470	89.848.628.991	77.455.956.692
	Vô hình	T/sản	10	20.569.006.500	14.051.844.000
2	Công cụ , dụng cụ	CC,DC	4.910	8.169.142.901	0

3. Việc thực hiện kiểm kê quỹ tiền mặt: Tổ chức kiểm kê quỹ tiền mặt vào các ngày cuối cùng trong tháng và ngày cuối cùng trong năm vào ngày 31/12/2023.

4. Sửa chữa tài sản công: Trong năm 2023, đơn vị thực hiện 13 gói thầu sửa chữa theo hình thức chỉ định thầu rút gọn với tổng kinh phí là 257.023.000 đồng (Hai trăm năm mươi bảy triệu không trăm hai mươi ba nghìn đồng); đơn vị nghiệm thu, thanh toán các khoản chi phí theo Hướng dẫn số 1203/HD-SYT ngày 24/4/2023 của Sở Y tế tỉnh Kon Tum về Quy trình thực hiện duy tu, bảo dưỡng sửa chữa tài sản, đấu thầu mua sắm hàng hóa, hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao, trang thiết bị y tế trong ngành Y tế tỉnh Kon Tum và theo Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023 (ban hành kèm theo Quyết định số 02/QĐ-KSBT ngày 03/01/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh).

IV. Khám sức khỏe tuyển dụng và khám sức khỏe định kỳ.

1. Đơn vị thực hiện việc thu tiền khám sức khỏe tuyển dụng và khám sức khỏe định kỳ theo Nghị quyết số 58/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh quy định mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum và thực hiện việc thu tiền khám sức khỏe định kỳ theo Công văn số 4400/SYT-NVYD ngày 26/12/2022 của Sở Y tế về việc quy định nội dung dịch vụ kỹ thuật tối thiểu phải thực hiện đối với các gói khám sức khỏe đúng theo quy định.

2. Nguồn kinh phí khám sức khỏe tuyển dụng và khám sức khỏe định kỳ được đơn vị quản lý, sử dụng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

V. Quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí năm 2023.

1. Việc xây dựng, ban hành và thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ:

Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị được ban hành tại Quyết định số 02/QĐ-KSBT ngày 03/01/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023; áp dụng định mức được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ vào việc thanh toán các hoạt động chuyên môn năm 2023. Tuy nhiên Quy chế chi tiêu nội bộ đơn vị còn áp dụng một số văn bản đã hết hiệu lực thi hành trước ngày 31/12/2022¹.

Tiết a điểm 5.1.2 khoản 5 Điều 12 Quy chế quy định chế độ thù lao giảng viên, báo cáo viên đối với người có trình độ chuyên khoa II mức 1.000.000 đồng/người/buổi là không đúng với Nghị quyết số 37/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI kỳ họp thứ 7 Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Mua sắm chi thường xuyên:

Thực hiện kiểm tra chọn mẫu một số chứng từ chi hoạt động thường xuyên năm 2023.

2.1. Gói thầu mua máy móc, thiết bị văn phòng:

- Giá gói thầu: 267.800.000 đồng;
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh thông thường trong nước (tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng);
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ;
- Đơn vị trúng thầu: Máy văn phòng Tân Nguyên, số 312 Trần Phú, thành phố Kon Tum;
- Giá trúng thầu: 266.200.000 đồng;
- Hình thức hợp đồng: Trọn gói;
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 15 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

Quy trình thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013; Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên mạng đấu thầu quốc gia và các quy định hiện hành của Nhà nước.

2.2. Gói thầu mua sữa đặc có đường bồi dưỡng bằng hiện vật cho viên chức, người lao động:

Ủy nhiệm chi số P-TX079 ngày 04/5/2023, số tiền 35.028.000 đồng; Ủy nhiệm chi số P-TX164 ngày 08/8/2023, số tiền 27.748.392 đồng; Giấy rút DTNSNN số HĐ17-06 ngày 08/8/2023, số tiền 4.526.928 đồng; Ủy nhiệm chi số P-TX247 ngày 08/11/2023, số tiền 21.489.972 đồng; Giấy rút DTNS số HĐ17-66 ngày 09/11/2023, số tiền 6.468.000 đồng; Ủy nhiệm chi số P-TX326 ngày

¹ Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ; Thông tư số 153/2010/TT-BTC ngày 28/9/2010 của Bộ Tài chính; Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12/9/2018 của Chính phủ;

11/01/2024, số tiền 20.191.988 đồng; Giấy rút DTNSNN số HĐ17-78 ngày 11/01/2024, số tiền 6.760.000 đồng.

Quy trình thực hiện theo Hướng dẫn số 1203/HD-SYT, ngày 24/04/2023 của Sở Y tế về quy trình thực hiện duy tu, bảo dưỡng sửa chữa tài sản, đấu thầu mua sắm hàng hóa, hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao, trang thiết bị y tế trong ngành Y tế tỉnh Kon Tum. Thủ trưởng đơn vị quyết định việc mua sắm bảo đảm nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

VI. Tình hình thực hiện dự toán thu chi trong năm.

Đơn vị tính: 1000 đồng.

TT	Nội dung	Tổng số	Trong đó		Ghi chú
			Tự chủ	Không tự chủ	
I	Kinh phí năm trước chưa sử dụng chuyển sang	10.204.516	9.304.516	900.000	
1	Ngân sách cấp	900.000		900.000	
2	Nguồn thu tại đơn vị	9.304.516	9.304.516		Bao gồm toàn bộ nguồn tại đơn vị năm 2022 chuyển sang (lợi nhuận chưa phân phối, tạm trích CCTL, các quỹ)
2.1	Thu KCB BHYT	758.951	758.951		
2.2	Thu KCB từ người bệnh	1.606.530	1.606.530		
2.3	Dịch vụ y tế khác (Dịch vụ y tế dự phòng và kiểm dịch y tế)	3.623.279	3.623.279		
2.4	Dịch vụ xét nghiệm Covid	2.979.352	2.979.352		
2.5	Lãi tiền gửi	8.307	8.307		
2.6	Hoạt động dịch vụ khác	328.097	328.097		
II	Nguồn thu trong năm	33.064.015	6.490.715	26.573.300	
I	Ngân sách cấp	26.573.300		26.573.300	
1.1	Nguồn ngân sách địa phương	25.391.770		25.391.770	
1.2	Nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu				
1.3	Nguồn kinh phí các chương trình, mục tiêu y tế, gắn mã lồng ghép đối ứng	1.181.530		1.181.530	
1.4	Nguồn kinh phí khác (nếu có)				

2	Nguồn thu tại đơn vị (ghi rõ từng nguồn thu)	6.490.715	6.490.715		
2.1	Thu KCB BHYT	597.952	597.952		Khác so với báo cáo quyết toán lý do, số duyệt bảo hiểm cao hơn số lúc lập báo cáo (tuy nhiên chưa có quyết toán chính thức của Cơ quan bảo hiểm)
2.2	Thu dịch vụ KCB	2.725.731	2.725.731		
2.3	Dịch vụ y tế khác (Y tế dự phòng và kiểm dịch y tế)	3.141.166	3.141.166		
2.4	Dịch vụ XN Covid	15.232	15.232		
2.5	Lãi tiền gửi	10.635	10.635		
III	Kinh phí được sử dụng	43.268.531	15.795.231	27.473.300	
IV	Số chi đề nghị quyết toán	31.745.580	4.599.387	27.243.160	
1	Chi từ nguồn thu	4.502.420	4.502.420		
1.1	Chi phí thuế	96.966	96.966		
2	Chi từ nguồn NSNN cấp	27.243.160		27.243.160	
2.1	Chi hoạt động	26.112.528		26.112.528	
	<i>Nguồn giao tự chủ</i>				
	<i>Nguồn giao không tự chủ</i>	26.112.528		26.112.528	
2.2	Nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu				
2.3	Nguồn kinh phí các chương trình, mục tiêu y tế, gắn mã lồng ghép đối ứng	1.130.632		1.130.632	
2.4	Nguồn kinh phí khác (nếu có)				
V	Nguồn trích thực hiện cải cách tiền lương				
1	Số đã trích năm trước chưa sử dụng chuyển sang	2.167.849	2.167.849		Số thông báo thực hiện CCTL của tỉnh năm 2022 chuyển sang, số này kiểm toán đã thực hiện
2	Số phải trích trong năm theo quy định	1.671.292	1.671.292		
3	Số đã trích trong năm	1.883.907	1.883.907		

4	Số còn phải trích theo quy định (2-3)	- 212.615	- 212.615		Số đã trích cao hơn số phải trích trong năm
5	Số đã sử dụng	2.668.849	2.668.849		
5.1	<i>Chi thực hiện cải cách tiền lương theo quy định</i>	2.668.849	2.668.849		Đã sử dụng khi thực hiện tính CCTL năm 2023
5.2	<i>Chi cho các nội dung khác (nếu có)</i>				
6	Số còn chưa sử dụng chuyển năm sau	1.170.292	1.170.292		Đã thực hiện trong năm 2024 tạo nguồn thực hiện CCTL
VI	Kinh phí còn chưa sử dụng	11.425.985	11.195.845	230.140	
1	Nguồn thu	11.195.845	11.195.845		Bao gồm các khoản chưa phân phối, CCTL, các quỹ,...
2	Nguồn NSNN giao tự chủ				
3	Nguồn NSNN giao không tự chủ	230.140		230.140	
	<i>Trong đó:</i>				
	- <i>Được chuyển nguồn CTMTQG</i>	50.898		50.898	
	- <i>Hủy dự toán</i>	179.242		179.242	
4	Các nguồn khác				
VII	Trích lập nguồn CCTL và các Quỹ trong năm đơn vị tạm trích	2.794.435	2.794.435		
1	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	136.029	136.029		
2	Quỹ khen thưởng	60.000	60.000		
3	Quỹ phúc lợi	714.499	714.499		
4	Quỹ bổ sung thu nhập				
5	Cải cách tiền lương	1.883.907	1.883.907		

VII. Quản lý và cung ứng thuốc, vật tư, hóa chất.

1. Việc thành lập các Hội đồng liên quan đến hoạt động mua sắm, quản lý thuốc, vật tư, hóa chất:

- Hội đồng Thuốc và điều trị kiện toàn tại Quyết định: Quyết định số 185/QĐ-KSBT ngày 24/4/2018; Quyết định số 135/QĐ-KSBT ngày 25/8/2022; Quyết định số 356/QĐ-KSBT ngày 28/12/2023. Hội đồng Thuốc và điều trị hoạt

động theo quy chế được ban hành tại Quyết định số 187/QĐ-KSBT ngày 24/4/2018 và Quyết định số 131/QĐ-KSBT ngày 03/7/2024.

- Hội đồng Kiểm nhập thuốc, vắc xin, vật tư, hoá chất được thành lập tại Quyết định số 440/QĐ-KSBT ngày 25/9/2018 và được kiện toàn tại các Quyết định: Quyết định số 28/QĐ-KSBT ngày 14/02/2020; Quyết định số 301/QĐ-KSBT ngày 23/11/2023; Quyết định số 91/QĐ-KSBT ngày 15/5/2024.

- Hội đồng Kiểm kê thuốc, vắc xin, vật tư, hoá chất được thành lập tại Quyết định số 441/QĐ-KSBT ngày 25/9/2018 và được kiện toàn tại các Quyết định: Quyết định số 29/QĐ-KSBT ngày 14/2/2020; Quyết định số 302/QĐ-KSBT ngày 24/11/2023.

- Hội đồng Huỷ thuốc theo các Quyết định của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật: Quyết định số 53/QĐ-KSBT ngày 31/3/2020 về việc kiện toàn Hội đồng huỷ thuốc; Quyết định số 303/QĐ-KSBT ngày 24/11/2023 về việc kiện toàn Hội đồng huỷ thuốc, vắc xin, vật tư y tế, hoá chất và sinh phẩm.

- Hội đồng Khoa học công nghệ: Thành lập theo Quyết định số 169/QĐ-KSBT ngày 28/10/2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật.

2. Lập kế hoạch cung ứng thuốc, vật tư, hoá chất, sinh phẩm:

- Thuốc: Danh mục thuốc được Hội đồng Thuốc và điều trị thẩm định tại Biên bản họp ngày 10/01/2023; được Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật ký ban hành danh mục vào ngày 12/01/2023.

- Vật tư, hoá chất, sinh phẩm: Đơn vị xây dựng danh mục vật tư y tế, hoá chất, sinh phẩm dự kiến sử dụng tại đơn vị năm 2023, thông qua Hội đồng Thuốc và điều trị thẩm định tại Biên bản họp ngày 10/01/2023 và được Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật ký ban hành danh mục vào ngày 12/01/2023.

3. Quản lý, theo dõi việc nhập, cấp phát thuốc, vật tư, hóa chất:

- Nhập kho, xuất kho:

+ Thuốc, vật tư, hóa chất mua về có biên bản kiểm nhập, có phiếu nhập kho theo quy định.

+ Xuất kho: Phiếu xuất kho theo dự trù và số thực tế sử dụng trên báo cáo quyết toán của các khoa thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật. Đối với vắc xin tiêm chủng mở rộng, xuất kho theo kế hoạch cung cấp vắc xin, dự trù nhận vắc xin và báo cáo sử dụng vắc xin của các đơn vị trực tiếp sử dụng.

- Kiểm kê: Thuốc, vật tư y tế, hoá chất, sinh phẩm được kiểm kê hàng quý và năm.

- Sổ sách theo dõi:

+ Khoa Dược - Vật tư y tế mở thẻ kho cho từng loại thuốc, hoá chất, sinh phẩm, vật tư y tế; in, đóng tập, đưa vào lưu trữ.

+ Kế toán mở sổ chi tiết theo dõi nguyên liệu, vật liệu theo quy định tại Mẫu số: S22-H, Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; sổ được lưu trữ trên hệ thống phần mềm kế toán của đơn vị.

- Báo cáo sử dụng thuốc, vật tư, hoá chất: Thực hiện tháng, quý và cả năm.

4. Tình hình nhập, xuất tồn thuốc, vật tư, hóa chất:

4.1. Nguồn đơn vị mua (đơn vị tính: đồng):

a) Thuốc:

Quý	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
I	376.892.132	75.791.384	141.231.535	311.451.981
II	311.451.981	40.038.984	122.445.099	229.045.866
III	229.045.866	79.015.872	125.449.146	182.612.592
IV	182.612.592	53.060.000	87.713.261	147.959.331
Cộng	376.892.132	247.906.240	476.839.041	147.959.331

b) Vật tư, hoá chất:

Quý	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
I	301.432.890	132.039.000	124.801.724	308.670.166
II	308.670.166	228.982.650	207.409.012	330.243.804
III	330.243.804	24.659.700	87.067.176	267.836.328
IV	267.836.328	267.795.500	214.605.582	321.026.246
Cộng	301.432.890	653.476.850	633.883.494	321.026.246

c) Tổng cộng thuốc, vật tư, hoá chất:

Quý	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
I	678.325.022	207.830.384	266.033.259	620.122.147
II	620.122.147	269.021.634	329.854.111	559.289.670
III	559.289.670	103.675.572	212.516.322	450.448.920
IV	450.448.920	320.855.500	302.318.843	468.985.577
Cộng	678.325.022	901.383.090	1.110.722.535	468.985.577

4.2. Nguồn cấp bằng hiện vật từ các đơn vị (đơn vị tính: đồng): Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên, Bệnh viện Phổi Trung ương, Viện Ký sinh trùng Quy Nhơn, Bệnh viện Phong da liễu Quy Hòa.

a) Thuốc:

Quý	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
I	3.391.211.762	1.113.926.160	1.364.323.559	3.140.814.363
II	3.140.814.363	1.170.081.539	1.077.812.896	3.233.083.006
III	3.233.083.006	467.857.750	534.235.885	3.166.704.871
IV	3.166.704.871	731.470.293	604.776.089	3.293.399.075
Cộng	3.391.211.762	3.483.335.742	3.581.148.429	3.293.399.075

b) Vật tư, hoá chất:

Quý	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
I	1.414.953.216	601.834.260	173.998.945	1.842.788.531
II	1.842.788.531	409.293.490	1.024.248.455	1.227.833.566
III	1.227.833.566	184.940.450	132.363.400	1.280.410.616
IV	1.280.410.616	740.632.294	469.068.313	1.551.974.597
Cộng	1.414.953.216	1.936.700.494	1.799.679.113	1.551.974.597

c) Tổng cộng thuốc, vật tư, hoá chất:

Quý	Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
I	4.806.164.978	1.715.760.420	1.538.322.504	4.983.602.894
II	4.983.602.894	1.579.375.029	2.102.061.351	4.460.916.572
III	4.460.916.572	652.798.200	666.599.285	4.447.115.487
IV	4.447.115.487	1.472.102.587	1.073.844.402	4.845.373.672
Cộng	4.806.164.978	5.420.036.236	5.380.827.542	4.845.373.672

5. Công nợ thuốc, vật tư, hoá chất:

Đơn vị có theo dõi, đối chiếu công nợ với các đơn vị cung cấp thuốc, vật tư, hóa chất. Công nợ cuối năm 2023 là: 30.380.000 đồng.

6. Mua thuốc theo kết quả đấu thầu thuốc tập trung:

6.1. Việc ký kết hợp đồng mua thuốc: Thực hiện theo Hợp đồng Thỏa thuận khung được ký kết giữa đơn vị mua sắm tập trung và nhà thầu trúng thầu theo kết quả đấu thầu thuốc tập trung được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6.2. Kiểm tra một số hợp đồng mua thuốc theo kết quả đấu thầu thuốc tập trung giai đoạn 2023-2024:

Các hợp đồng mua thuốc có danh mục thuốc kèm theo; danh mục thuốc có nêu các đặc tính kỹ thuật của hàng hoá theo yêu cầu; đơn giá thực hiện theo Thỏa

thuận khung được ký kết giữa đơn vị mua sắm tập trung và nhà thầu trúng thầu theo kết quả đấu thầu thuốc tập trung được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Thời hạn thực hiện hợp đồng là 210 ngày (*kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, nhưng tối đa không quá 31/12/2023*); được gia hạn đến 30/6/2024 tại Công văn số 4471/UBND-KTTH ngày 22/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng các gói thầu mua thuốc tập trung cấp địa phương năm 2023; Công văn số 4759/SYT-KHTC ngày 25/12/2023 của Sở Y tế về việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng các gói thầu mua thuốc tập trung cấp địa phương năm 2023.

7. Mua thuốc ngoài danh mục thuốc đấu thầu tập trung: Gói thầu mua thuốc Methadone Hydrochloride, số tiền 22.680.000 đồng. Danh mục thuốc, được Hội đồng thuốc và điều trị thống nhất tại Biên bản họp thẩm định ngày 20/3/2023; được Giám đốc Sở Y tế phê duyệt tại Quyết định số 246/QĐ-SYT ngày 19/5/2023 về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gói thầu mua thuốc theo Điều 18, Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

8. Mua vật tư, hoá chất, sinh phẩm phục vụ công tác chuyên môn:

Trong năm 2023, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật triển khai thực hiện 19 gói thầu mua vật tư y tế, hoá chất, sinh phẩm; tổng giá trị các gói thầu: 735.349.000 đồng. Trong đó, nguồn chi sự nghiệp y tế: 04 gói thầu, tổng giá trị thực hiện các gói thầu là 159.401.000 đồng; nguồn thu phí: 11 gói thầu, tổng giá trị thực hiện là 467.640.000 đồng; nguồn chi thường xuyên: 04 gói thầu, tổng giá trị thực hiện là 108.308.000 đồng.

Kiểm tra một số hồ sơ mua sắm vật tư y tế, hoá chất, sinh phẩm:

8.1. Chứng từ số P-HC003 ngày 20/7/2023, mua hoá chất, sinh phẩm và vật tư xét nghiệm, số tiền 17.880.000 đồng; Chứng từ số P-HC005 ngày 20/7/2023, mua hoá chất, sinh phẩm và vật tư xét nghiệm, số tiền 47.210.000 đồng; Chứng từ số P-HC013 ngày 16/11/2023, mua hoá chất, vật tư xét nghiệm, số tiền 17.200.000 đồng: Đơn vị cung cấp hàng hoá là Công ty TNHH Thiết bị y tế Nhất Tâm.

Chứng từ số P-HC007 ngày 27/7/2023, mua vật tư xét nghiệm, số tiền 76.913.250 đồng; Chứng từ số P-HC010 ngày 15/8/2023, mua vật tư xét nghiệm, số tiền 3.957.000 đồng; Chứng từ số P-HC015 ngày 28/11/2023, mua vật tư xét nghiệm, số tiền 88.648.000 đồng: Đơn vị cung cấp hàng hoá là Công ty TNHH Y tế Phúc Phúc Hưng.

Văn bản đề nghị cung cấp báo giá; báo giá của các đơn vị cung cấp hàng hoá cam kết hạn sử dụng của vật tư, hoá chất ít nhất 12 tháng khi bàn giao, nhưng Hợp đồng kinh tế giữa Trung tâm Kiểm soát bệnh tật với các đơn vị cung cấp hàng hoá, không có điều khoản nào quy định về hạn sử dụng của hàng hoá.

Chứng từ số P-HC005 ngày 20/7/2023, mua hoá chất, sinh phẩm và vật tư xét nghiệm, số tiền 47.210.000 đồng; đơn vị cung cấp hàng hoá Công ty TNHH Thiết bị y tế Nhất Tâm. Căn cứ văn bản đề nghị cung cấp báo giá, Báo giá của Công ty TNHH Thiết bị y tế Nhất Tâm có cam kết hạn dùng của hàng hoá ít nhất

12 tháng từ khi nhận hàng; nhưng theo Biên bản kiểm nhập vật tư, hoá chất, sinh phẩm xét nghiệm ngày 06/4/2023 có 02 loại hoá chất là: Cleanac, hạn dùng chưa đến 05 tháng và Cleanac3, hạn dùng chưa đến 6 tháng. Trong khi đó, biên bản giao nhận hàng hoá đánh giá hàng hóa đạt yêu cầu.

8.2. Chứng từ số P-HC011 ngày 28/11/2023, mua hoá chất, vật tư xét nghiệm, số tiền 61.946.500 đồng; đơn vị cung cấp hàng hoá là Công ty TNHH Y tế Phúc Phúc Hưng:

Khi xây dựng giá gói thầu, đơn vị chỉ căn cứ 02 báo giá (*theo Biên bản tiếp nhận và xác lập việc xử lý thông tin báo giá ngày 27/7/2023*); sau đó căn cứ 01 báo giá (*theo Biên bản tiếp nhận và xác lập việc xử lý thông tin báo giá ngày 28/8/2023*) là chưa đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 11 Thông tư số 58/2026/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính quy định khi lập và xác định giá gói thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu; Hướng dẫn số 1203/HD-SYT ngày 24/4/2023 của Sở Y tế về hướng dẫn quy trình thực hiện duy tu, bảo dưỡng sửa chữa tài sản, đấu thầu mua sắm hàng hóa, hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao, trang thiết bị y tế trong ngành Y tế tỉnh Kon Tum.

8.3. Chứng từ số GRDT HĐ1-01 ngày 21/7/2023, mua hoá chất, vật tư xét nghiệm, số tiền 74.171.900 đồng; đơn vị cung cấp hàng hoá là Công ty TNHH thiết bị và hoá chất Thiên Nam: Đơn vị căn cứ vào 02 báo giá để xây dựng giá gói thầu.

Chứng từ số GRDT HĐ1-03 ngày 17/12/2023, mua hoá chất, vật tư xét nghiệm; số tiền 58.243.000 đồng; đơn vị cung cấp hàng hoá là Công ty TNHH Thiết bị và hoá chất Thiên Nam: Đơn vị căn cứ vào 01 báo giá của Công ty TNHH Thiết bị và hoá chất Thiên Nam để xây dựng giá gói thầu.

Việc chỉ căn cứ vào 01 hoặc 02 báo giá để xây dựng giá gói thầu là không đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 11 Thông tư số 58/2026/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính và Hướng dẫn số 1203/HD-SYT ngày 24/4/2023 của Sở Y tế.

Các gói thầu trên, Hợp đồng kinh tế giữa Trung tâm Kiểm soát bệnh tật với các đơn vị cung cấp hàng hoá, không có điều khoản nào quy định về hạn sử dụng của hàng hoá; Biên bản nghiệm thu, bàn giao, tiếp nhận hàng hoá cũng không nêu hạn sử dụng của hàng hoá.

C. KẾT LUẬN VỀ NHỮNG NỘI DUNG ĐÃ TIẾN HÀNH THANH TRA.

I. Ưu điểm.

1. Về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng:

Đơn vị thực hiện tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, công tác phòng, chống tham nhũng theo các quy định hiện hành và hướng dẫn của Sở Y tế.

2. Việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí:

- Đơn vị đã ban hành quy chế chi tiêu nội bộ ngay từ đầu năm, áp dụng định mức được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ vào việc thanh toán các hoạt động chuyên môn năm 2023.

- Công tác mua sắm, sửa chữa tài sản công: Đơn vị thực hiện theo các quy định hiện hành về công tác mua sắm, sửa chữa tài sản và hướng dẫn của Sở Y tế.

3. Quản lý và cung ứng thuốc, vật tư, hóa chất:

- Đơn vị đã thành lập, kiện toàn các Hội đồng để triển khai thực hiện các hoạt động mua sắm, quản lý thuốc, vật tư, hóa chất, sinh phẩm.

- Xây dựng kế hoạch cung ứng thuốc, vật tư, hoá chất, sinh phẩm năm 2023, thông qua Hội đồng thuốc và điều trị, Hội đồng Khoa học công nghệ thẩm định trước khi thực hiện đấu thầu, mua sắm.

- Thuốc, vật tư, hoá chất, sinh phẩm mua để sử dụng cho công tác chuyên môn có phiếu nhập kho, biên bản kiểm nhập; xuất sử dụng cho công tác chuyên môn, có phiếu xuất kho và mở sổ sách theo dõi; hàng quý, năm thực hiện kiểm kê và báo cáo tình hình sử dụng theo quy định.

II. Khuyết điểm, hạn chế.

1. Việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí:

Quy chế chi tiêu nội bộ áp dụng một số văn bản đã hết hiệu lực thi hành; quy định chế độ thù lao giảng viên, báo cáo viên đối với người có trình độ chuyên khoa II mức 1.000.000 đồng/người/buổi là không đúng với Nghị quyết số 37/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI kỳ họp thứ 7 Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Quản lý và cung ứng thuốc, vật tư, hóa chất:

- Khi xây dựng danh mục vật tư y tế, hoá chất, sinh phẩm, đơn vị chưa dự kiến được số lượng cần thiết sử dụng trong năm để làm cơ sở cho việc tổ chức đấu thầu, mua sắm. Nên trong quá trình thực hiện, một số gói thầu nhỏ lẻ, chưa được thông qua Hội đồng mua sắm tại cơ sở để thẩm định danh mục hàng hoá mua sắm bổ sung trước khi triển khai thực hiện.

- Khoa Dược - Vật tư y tế chưa mở và vào sổ kiểm nhập thuốc theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 15 Thông tư số 22/2011/TT-BYT ngày 10/6/2011 của Bộ Y tế về việc quy định tổ chức và hoạt động của khoa Dược bệnh viện.

- Toàn bộ phiếu nhập kho năm 2023, không có chữ ký người giao hàng. Việc thiếu chữ ký trên chứng từ kế toán là không đúng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 16 Luật Kế toán năm 2015 và khoản 2 Điều 3 Thông tư số 107/2017/TT-BTC

ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

- Thẻ kho chưa có chữ ký xác nhận theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 16 Thông tư số 22/2011/TT-BYT ngày 10/6/2011 của Bộ Y tế. Sổ, thẻ kho không được đánh số trang và ký xác nhận của người lập sổ, Kế toán Trưởng, Thủ trưởng đơn vị theo quy định tại Mẫu số: S21-H, Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Việc mua sắm vật tư, hoá chất, sinh phẩm phục vụ cho công tác chuyên môn, được đơn vị chia thành nhiều đợt trong năm để thực hiện với hình thức chỉ định thầu theo quy trình rút gọn hoặc Thủ trưởng đơn vị quyết định mua sắm là chưa đúng quy định của Luật Đấu thầu năm 2013 và Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Một số gói thầu, đơn vị căn cứ vào 01 hoặc 02 báo giá để xây dựng giá gói thầu là chưa đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 11 Thông tư số 58/2026/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính và Hướng dẫn số 1203/HD-SYT ngày 24/4/2023 của Sở Y tế.

- Một số Hợp đồng kinh tế giữa Trung tâm Kiểm soát bệnh tật và đơn vị cung cấp hàng hóa, không quy định hạn sử dụng của hàng hóa. Một số loại hoá chất, hạn sử dụng của hàng hóa không đảm bảo như đã cam kết của bên cung cấp hàng hóa.

III. Trách nhiệm của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật và các cá nhân có liên quan đến một số khuyết điểm, hạn chế.

Những khuyết điểm, hạn chế nêu trên thuộc trách nhiệm của tập thể lãnh đạo, Giám đốc, Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Kon Tum (*nội dung, thời kỳ có liên quan*); Nguyên Trưởng phòng Tài chính - Kế toán; Trưởng khoa Dược Vật tư y tế; Kế toán trưởng và các cá nhân có liên quan.

1. Lãnh đạo Trung tâm Kiểm soát bệnh tật: Chịu trách nhiệm trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra, giám sát đối với các khoa, phòng và cá nhân có liên quan trong thực hiện nhiệm vụ được giao đã để xảy ra một số khuyết điểm, hạn chế như Đoàn thanh tra đã nêu.

2. Các khoa, phòng thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật và cá nhân có liên quan:

Nguyên Trưởng phòng Tài chính - Kế toán; Trưởng khoa Dược Vật tư y tế; Kế toán trưởng và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm về những khuyết điểm, hạn chế trong công tác tham mưu, quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí; việc quản lý và cung ứng thuốc, vật tư, hóa chất như Đoàn thanh tra đã nêu.

D. KIẾN NGHỊ XỬ LÝ.

Từ những nội dung, nhận xét, đánh giá nêu trên, kiến nghị:

1. Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tổ chức kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm đối với các cá nhân có liên quan đối với những nội dung khuyết điểm, hạn chế nêu trên.

2. Triển khai, khắc phục, xử lý đối với những khuyết điểm, hạn chế đã nêu trong Kết luận thanh tra theo quy định, báo cáo kết quả về Thanh tra Sở Y tế.

3. Niêm yết công khai Kết luận thanh tra tại trụ sở làm việc của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Kon Tum theo đúng quy định của pháp luật.

4. Báo cáo kết quả thực hiện kết luận và các kiến nghị thanh tra về Thanh tra Sở Y tế sau 30 ngày, kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra./.

Nơi nhận:

- Thanh tra Bộ Y tế;
- UBND tỉnh;
- Ban Nội chính tỉnh ủy;
- Ủy ban Kiểm tra tỉnh ủy;
- Thanh tra tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Đảng ủy Khối CQ&DN tỉnh Kon Tum;
- Đảng bộ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật;
- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật;
- Lãnh đạo Sở Y tế;
- Các phòng thuộc Sở Y tế;
- Trang Thông tin điện tử Sở Y tế;
- Lưu: VT, TTrS.



CHÁNH THANH TRA

Đặng Văn Điền